TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-11-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim A; sinh năm 1989; cư trú tại: đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Li J; sinh năm 1986; cư trú tại: Tòa nhà G - đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Dương Minh T – Chức vụ: Cán bộ biên phiên dịch tiếng Trung - Trung tâm phục vụ đối ngoại Đà Nẵng, thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Lê Kim A, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Từ mối quan hệ quen biết khi làm phiên dịch cho người Trung Quốc đến Việt Nam nên bà và ông Li J đã tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân; bà và ông Li J đã được Cục Dân chính thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23-01-2014 và đã được Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng cấp Giấy xác nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, ngày 13-6-2014. Trong quá trình chung sống cho đến năm 2016 thì thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong nhiều việc mà không hòa giải được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Li J.

- Về con: Bà và ông Li J có 01 con chung tên Li Tian L; sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018. Ly hôn với ông Li J thì nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Li J cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Li J không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Li J không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Kim A, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án trong các phiên họp hòa giải sau khi Tòa án thụ lý vụ án. Riêng phiên họp hòa giải, đối thoại tại Tòa án vào ngày 17-3-2021 và ngày 26-3-2021 thì ông Li J có đến tham gia và có ý kiến trình bày xác định từ năm 2016 thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm; ông Li J đồng ý ly hôn và giao con cho bà A trực tiếp nuôi. Tuy nhiên, sau đó ông Li J không ký vào biên bản làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của

Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con của Bà Lê Kim A đối với ông Li J.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Bà Lê Kim A là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Li J; quốc tịch Trung Quốc; hiện cư trú tại địa chỉ Tòa nhà G - đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại Điều 37, Điều 39 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Li J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Li J theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn ông Li J của Bà Lê Kim A thì thấy, tại phiên họp hòa giải, đối thoại tại Tòa án vào các ngày 17-3-2021 và 26-3-2021 thì ông Li J có ý kiến xác định giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do bất đồng quan điểm, do công việc nên ông ít có điều kiện ở gần và chăm sóc cho vợ con. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã hai lần mở phiên họp hòa giải nhưng ông Li J đều không đến tham dự, điều này cũng chứng tỏ bản thân ông không còn thiết tha để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Nên Hội đồng xét xử, có cơ sở để xác định giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài từ năm 2016 cho đến nay, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, bà A xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn ông Li J của bà A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Li Tian L; sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bà Lê Kim A, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Li J cấp dưỡng cho con, còn ông Li J thì không yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét con chung của bà A và ông Li J tính đến nay chưa tròn 36 tháng tuổi, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà A để giao con Li Tian L cho bà A được trực tiếp nuôi, là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Kim A và ông Li J không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình Bà Lê Kim A phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Lê Kim A đối với ông Li J.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Lê Kim A được ly hôn với ông Li J.

2. Về con chung: Giao con tên Li Tian L, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 cho Bà Lê Kim A trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, ông Li J và Bà Lê Kim A có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung Li Tian L, theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Lê Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002859 ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Kim A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Li J không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam